TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BỐ TRẠCH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 06-5-2020
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Minh và bà Nguyễn Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Trong ngày 06 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 02 năm 2020 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thúy H, sinh năm 1992; nơi cư trú: Thôn X, xã M, huyện C, tỉnh Quảng Bình . *Có đơn xin xử vắng mặt*

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991 nơi cư trú: Thôn X, xã M, huyện C, tỉnh Quảng Bình . *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 02 năm 2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy H trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2011 tại UBND xã Mỹ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn được một thời gian, giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh nhiều mẫu thuẫn, cãi vã nhau do tính cách hai bên không hòa hợp và khác nhau về quan điểm sống. Nên vợ chồng đã sống ly thân, bỏ mặc nhau, không còn ai còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau từ tháng 5/2016 cho đến nay. Vì vậy, chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn anh T.

Sau khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, ngày 25/02/2020 chị H có đơn trình bày với nội dung vì lý do công việc phải đi làm ăn xa nên không có điều

kiện để tham gia các buổi làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy, chị H đã làm đơn đề nghị xin được xét xử vắng mặt.

- Về con chung: Chị H thừa nhận, vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 08/8/2011 và từ trước đến nay đang ở với anh T. Vì vậy, sau khi ly hôn anh T có yêu cầu giao con cho anh T trực tiếp trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và buộc chị có phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 02/2020 cho đến khi con đủ 18 tuổi thì chị H cũng đồng ý.

- Về tài sản: Chị H khai nhận vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn, con chung, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẩn cũng như đời sống hôn nhân và tài sản của hai vợ chồng giống như chị Hà đã trình bày tại đơn khởi kiện nên anh không có ý kiến gì thêm. Vì vậy, chị H có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý ly hôn và nhất trí với ý kiến của chị H để anh được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Linh Đ và chị H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 02/2020 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, anh T đồng ý xét xử vắng mặt chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình và nguyên đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Vì vậy, theo quy định tại Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn có mặt; nguyên đơn có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Theo các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Chị Nguyễn Thị Thúy H và anh Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn vào ngày 07/12/2011 tại UBND xã Mỹ Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Vì vậy, việc kết hôn của các đương sự là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận.

Nguyên nhân dẫn đến các bên đương sự có yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn xuất phát từ đời sống hôn nhân giữa các đương sự có nhiều mâu thuẫn trầm trọng trong một thời gian dài xuất phát từ bất đồng trong tính cách và quan điểm sống của mỗi người. Các đương sự đã sống ly thân nhau trong một thời gian dài, bỏ mặc nhau và không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, đời sống vợ chồng của các đương sự không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Các đương sự thừa nhận có 01 con chung Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 08/8/2011. Quá trình giải quyết vụ án chị H có nguyện vọng được giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và chị có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 02/2020 cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh T đồng ý với ý kiến của chị H về việc nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa của các đương sự về nuôi con chung sau khi ly hôn là đúng với nguyện vọng của cháu Đ và phù hợp với điều kiện hoàn cảnh kinh tế, chổ ở của mỗi bên, nơi sinh sống, học tập của con và đúng với các quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được ghi nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự thừa nhận không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271 và Điều 273, khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Thúy H ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về nuôi con: Giao con chung Nguyễn Linh Đ, sinh ngày 08/8/2011 cho anh Nguyễn Văn Tuấn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Buộc chị Nguyễn Thị Thúy H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 02/2020 cho đến khi con chung Nguyễn Linh Đ đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con, các bên đượng sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy H phải chịu nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con. Nhưng chị H được trừ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0003394 ngày 13/02/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình. Chị Nguyễn Thị Thúy H còn phải chịu nộp tiếp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (06/5/2020). Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt có quyền kháng cáo bản án kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh QB;
- VKSND huyện Bố Trạch;
- Cục THADS tỉnh QB;
- UBND xã Mỹ Trạch, Bố Trạch, QB;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Trần Trung Thành